

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 15/8/2018.

*V/v: tranh chấp hợp đồng tín
dụng, hợp đồng thế chấp tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hùng Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thuật - Chủ tịch Mặt trận tổ quốc xã Đông Quang,
2. Ông Phan Văn Vinh - Cán bộ Hưu trí, xã Tiên Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2017/TLST-DS ngày 22/12/2017 về việc tranh chấp hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 09/7/2018 và căn cứ vào quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐHPT, Ngày 30/7/2018 của TAND huyện Ba vì giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số x, phố LH, quận DD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn L – Giám đốc Chi nhánh huyện BV

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Chu Văn H – Giám đốc phòng giao dịch TL.

Có mặt tại phiên tòa .

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Viết V, sinh năm 1973

Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1972

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950

Nơi đăng ký HKTT: thôn Q, xã YB, huyện BV, thành phố Hà Nội

Bà N, anh V đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa bà N vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Anh V, chị H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Viết Q, sinh năm 1976

Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982

Cùng trú tại: thôn Q, xã YB, huyện BV, thành phố Hà Nội

Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn M, xã YB, huyện BV, thành phố Hà Nội

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn Nguyễn Thị N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Viết Q, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1 vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/7/2013 Ngân hàng A – Chi nhánh huyện BV – Phòng giao dịch TL (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số LAV201302781 cho anh Nguyễn Viết V vay số tiền 500.000.000đ; Lãi suất tiền vay tại thời điểm cho vay là 12%/năm và có thể điều chỉnh lãi suất tương ứng trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước thông báo thay đổi nhưng không thấp hơn lãi suất 12%/năm; Thời hạn cho vay là 36 tháng; Nghĩa vụ người vay trả tiền gốc, lãi phát sinh theo kỳ, nếu thực hiện không đúng thì người vay phải chịu lãi quá hạn là 18%/năm trên nợ gốc chưa trả, cụ thể tiền vay gốc được trả làm 6 kỳ: Kỳ 1 vào ngày 23/1/2014 trả 20.000.000đ, kỳ 2 vào ngày 23/7/2014 trả 40.000.000đ, kỳ 3 vào ngày 23/1/2015 trả 70.000.000đ, kỳ 4 vào ngày 23/7/2015 trả 100.000.000đ, kỳ 5 vào ngày 23/1/2016 trả 120.000.000đ, kỳ 6 vào ngày 23/7/2016 trả 150.000.000đ; Mục đích để phát triển sản xuất, chăn nuôi bò sữa. Để đảm bảo trả nợ cho khoản tiền vay, ngày 12/7/2013, anh Nguyễn Viết V và bố đẻ là ông Nguyễn Viết V1 đã thỏa thuận thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam quyền sử dụng đất và tài sản là nhà ở trên đất thuộc thửa số 1181. 1182, tờ bản đồ số 21, xã YB, huyện BV, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/1998 mang tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Viết V1; Việc ký hợp đồng thế chấp có sự tham gia đồng thuận của các đồng sở hữu gồm: ông Nguyễn Viết V1 cùng vợ là bà Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Viết V1 và chị Nguyễn Thị Bích H (vợ anh V); Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ba Vì ngày 18/7/2013.

Thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Viết V đã nhận đủ số tiền Ngân hàng cho vay gốc là 500.000.000đ và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu L182181 do UBND huyện Ba Vì cấp ngày 06/5/1998 cho Ngân hàng lưu giữ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tại kỳ trả nợ gốc lãi kỳ 1 anh V thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng từ kỳ trả nợ lần 2 anh Vinh thực hiện không đúng thời hạn trả gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày hết hạn hợp đồng

23/7/2016, anh V còn nợ tiền gốc là 180.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng. Phía Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn đến anh V và đơn đốc thu hồi nợ, anh Nguyễn Viết V đã nhiều lần cam kết hẹn ngày thanh toán nhưng đều không thực hiện được. Ngày 20/6/2017, Ngân hàng khởi kiện anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H là vợ anh V và bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh V tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì. Quá trình tiền tố tụng vụ án, ngày 11/8/2017, anh Nguyễn Viết V và đại diện Ngân hàng có mặt tại Tòa án xin gia hạn thời gian thụ lý vụ án để hai bên tự thỏa thuận trả nợ và thu hồi nợ. Tuy nhiên, hai bên vẫn không tự thực hiện được. Ngày 22/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý vụ việc để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H cố tình trốn tránh việc tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị N tham gia tố tụng có lời khai xác nhận việc con trai là anh Nguyễn Viết V và chồng bà là ông Nguyễn Viết V1 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A để anh V vay tiền làm ăn với số vay gốc ban đầu là 500.000.000đ. Bà cùng chồng là ông Nguyễn Viết V và vợ chồng con trai bà là anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại hai thửa 1811, 1812 tờ bản đồ tờ bản đồ số 21, xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/1998 mang tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Viết V là tài sản chung của gia đình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh V đã trả được 320.000.000đ còn nợ là 180.000.000đ nhưng do làm ăn thua lỗ anh V chưa trả được Ngân hàng, từ đó, cán bộ Ngân hàng nhiều lần đến gia đình bà để đơn đốc thu hồi nợ. Ngày 18/12/2016 chồng bà là ông Nguyễn Viết V1 chết, không để lại di chúc, bố mẹ đẻ của ông V1 đã chết trước ông V1 đến nay bà không nhớ rõ các cụ mất năm nào, hàng thừa kế thứ nhất của ông V1 còn 05 người gồm: bà là vợ Nguyễn Thị N; các con: Nguyễn Viết V, Nguyễn Viết Q, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1. Hiện nay bà đang là người trực tiếp quản lý toàn bộ tài sản nhà đất đã thế chấp cho Ngân hàng. Bà N1 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật về tài sản thế chấp đảm bảo cho hợp đồng vay vì hiện nay bà không trả nợ thay cho anh Nguyễn Viết V được.

Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Viết Q, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H1 là các con chung của ông Nguyễn Viết V1, bà Nguyễn Thị N đều trình bày xác nhận: Anh Q, chị H2, chị H1 là các con của ông V1, bà N1; anh Nguyễn Viết V là anh trai cả. Các anh chị đều không nắm được nội dung cụ thể hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa anh V, ông V1 với Ngân hàng như thế nào do các anh chị đã kết hôn và ra ở riêng từ lâu: anh Q từ 2003, chị H2 từ 2001, chị H1 từ 2004. Tuy nhiên các anh chị đều được nghe ông V1, bà N nói chuyện về việc ông bà có thế chấp quyền sử dụng nhà đất mà ông bà đang sinh sống tại thôn Q, xã YB do ông V1 đứng tên chủ hộ sử dụng để đảm bảo cho anh V vay tiền của Ngân hàng A, sau đó anh V thực hiện không đúng hợp đồng vay nên cán bộ Ngân hàng nhiều lần đến nhà đơn đốc trả nợ. Hiện toàn bộ

tài sản thế chấp đang do bà N quản lý sử dụng; Chị H2, chị H1 nhất trí với quan điểm giải quyết của bà N đưa ra xác định anh Nguyễn Viết V vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả nợ, nếu anh V không trả được thì chị H2, chị H1 nhất trí việc xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ vay của anh V; Anh Nguyễn Viết Q đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật, anh Q xin vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng do anh nhận thấy anh không có liên quan gì đến tài sản thế chấp và tài sản vay.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Nguyễn Viết V, Nguyễn Thị Bích H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1 đều vắng mặt. Bà Nguyễn Thị N là bị đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Viết Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại họp và phiên tòa. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H1 được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn Nguyễn Viết V, Nguyễn Thị Bích H được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị N là bị đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Viết Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại họp và phiên tòa. Chị H2, chị H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy HĐXX giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự đều tuân thủ theo quy định của BLTTDS.

Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Căn cứ các Điều 473, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

Buộc hộ gia đình gồm các thành viên anh Nguyễn Viết V cùng vợ là Nguyễn Thị Bích H, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân

hàng A số tiền 367.715.833đ; Trong đó nợ gốc là 180.000.000đ, tiền lãi là 187.715.833đ.

Về lãi suất phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đối với anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã YB, huyện BV, thành phố Hà Nội. Việc xác lập, ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, tài sản thế chấp tại thôn Q, xã YB, huyện BV. Đây là hai quan hệ pháp luật có liên quan trong giao dịch nên cần phải giải quyết trong cùng một vụ án mới đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của cả hai bên đương sự và giải quyết tranh chấp toàn diện. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị N; Anh V, bà N đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác: Nguyễn Viết Q, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1 đều có nơi cư trú tại xã YB, huyện BV, thành phố Hà Nội. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự tại nơi cư trú, qua lời khai của bị đơn Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của bị đơn Nguyễn Viết V và là mẹ chồng của bị đơn Nguyễn Thị Bích H; Cũng như biên bản xác minh chính quyền địa phương đều xác định anh V, chị H vẫn đi lại sinh sống ở nơi cư trú, anh V chị H đều đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án do bà N giao lại nhưng anh V, chị H vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến chính thức bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A. Bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Viết Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng A yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị N phải trả nợ số tiền theo hợp đồng tín dụng số LAV201302781 ký ngày 23/7/2013 giữa Ngân hàng và người vay Nguyễn Viết V, Nguyễn Viết V gồm tiền vay gốc và tiền lãi vay bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 15/8/2018, cụ thể như sau:

180.000.000đ tiền vay gốc + 187.715.883 tiền lãi = 367.715.833đ

Xét thấy hợp đồng tín dụng ký giữa hai bên nêu trên được giao kết và thực hiện trong thời gian từ ngày 23/7/2013 đến ngày 23/7/2016. Do vậy, cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

Căn cứ vào hồ sơ tài liệu khởi kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: giấy đề nghị vay vốn, phương án dự án sản xuất kinh doanh, báo cáo thẩm định, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, biên bản kiểm tra tài sản đảm bảo, phương án khắc phục sản xuất và kế hoạch trả nợ, biên bản đơn đốc thu hồi nợ; Lời khai của bà Nguyễn Thị N; Lời khai của anh Nguyễn Viết Q, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H1 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định ngày 23/7/2013 anh Nguyễn Viết V cùng bố đẻ là ông Nguyễn Viết V1 có ký hợp đồng tín dụng số LAV201302781 vay của Ngân hàng A số tiền gốc là 500.000.000đ, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và nhà ở xây dựng trên đất tại thửa số 1181, 1182 tờ bản đồ tờ bản đồ số 21, xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/1998 mang tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Viết V1. Mục đích tiền vay để phát triển sản xuất chăn nuôi bò sữa. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ 23/7/2013. Lãi suất tiền vay thấp nhất là 12%/năm và có thể điều chỉnh tăng lãi vay nếu Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh lãi suất. Phương thức trả tiền vay gốc theo 6 kỳ, tiền lãi điều chỉnh theo thời hạn trả tiền vay gốc từng kỳ, nếu vi phạm phải chịu lãi suất quá hạn là 18%/năm tính theo tiền gốc từng kỳ. Về hình thức hợp đồng mặc dù tại trang 1 hợp đồng lập xác định tên người vay là anh Nguyễn Viết V nhưng ký nhận bên vay vào cuối hợp đồng có sự tham gia ký kết của anh Nguyễn Viết V và ông Nguyễn Viết V1, quá trình thực hiện hợp đồng, vào các ngày 29/7/2014 và 15/10/2014 ông Nguyễn Viết V1 là người xác nhận nội dung gia đình còn nợ Ngân hàng tiền gốc lãi và đưa ra thời hạn cam kết trả nợ cho Ngân hàng. Việc giao kết, thực hiện hợp đồng giữa Ngân hàng A và anh Nguyễn Viết V, ông Nguyễn Viết V1 là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung hoàn toàn phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, không trái đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký kết 23/7/2013. Quá trình thực hiện, Ngân hàng đã giải ngân đủ cho người vay số tiền gốc 500.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện trả tiền gốc lãi theo định kỳ thì người vay đã vi phạm thỏa thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng A do người đại diện theo ủy quyền lại là ông Chu Văn H- Giám đốc phòng giao dịch TL yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị N phải trả tiền vay gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Đồng thời đề nghị xử lý tài sản đảm bảo cho khoản vay trong trường hợp đến hạn thanh toán mà bị đơn không trả nợ. Xét hộ gia đình ông Nguyễn Viết V1 vào thời điểm vay tiền do ông Nguyễn Viết V1 là chủ hộ; các thành viên gồm bà Nguyễn Thị N là vợ ông V1, anh Nguyễn Viết V là con trai ông V1, vợ anh V là chị Nguyễn Thị Bích H; các con anh V chị H gồm Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 15/11/1997 và Nguyễn Viết Ngọc A, sinh ngày 01/11/2003. Trong giấy đề nghị vay vốn áp dụng cho khoản vay của hộ gia đình có thể chấp tài sản đảm bảo,

có sự tham gia ký kết của ông Nguyễn Viết V1, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Bích H và anh Nguyễn Viết V. Mục đích vay mua bò sữa. Quá trình ký kết hợp đồng anh Nguyễn Viết V đứng tên khách hàng vay nhưng tham gia ký kết hợp đồng vay, cả ông V1, anh V cùng ký nhận dưới phần người vay và trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V1, anh V cùng là người trực tiếp làm việc với Ngân hàng đưa ra phương án, cam kết trả nợ. Mặt khác, khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất của hộ gia đình do ông Nguyễn Viết V1 đứng tên chủ hộ thông qua hợp đồng thế chấp ký ngày 12/7/2013 có sự đồng thuận của các đồng sở hữu trong hộ gia đình gồm ông V1, bà N, anh V, chị H đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ba Vì theo quy định tại Điều 323 BLDS 2005. Do vậy cần xác định trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng tín dụng trên thuộc về các thành viên trong hộ gia đình. Do ông Nguyễn Viết V1 đã chết ngày 18/12/2016 không để lại di chúc, hiện bà Nguyễn Thị N là vợ ông V1, là người đang trực tiếp quản lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp cùng các thành viên thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V1 là anh Nguyễn Viết Q, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H nhất trí thực hiện việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp không thanh toán được nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Do vậy, cần tuyên trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thuộc về các thành viên trong hộ gia đình và tuyên quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo cho nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng theo các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 tại các Điều 106, 108, 110 về nghĩa vụ của hộ gia đình; Điều 121, 122 về giao dịch dân sự; Điều 281, 290, 292 về thực hiện nghĩa vụ dân sự; Điều 302, 305 về trách nhiệm dân sự; Điều 342, 344, 347, 355 về tài sản thế chấp; Các Điều 471, 473, 474, 476 về hợp đồng vay và lãi suất và Luật các tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 91, 95.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng A được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 buộc anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị N phải chịu 18.385.791đ án phí dân sự có giá ngạch. Trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 7.714.000đ theo biên lai 0008218 ngày 22/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Căn cứ Điều 106, 108, 110 ; Điều 121, 122; Điều 281, 290, 292; Điều 302, 305; Điều 342, 344, 347, 355; Các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

Buộc hộ gia đình gồm các thành viên anh Nguyễn Viết V cùng vợ là Nguyễn Thị Bích H, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 180.000.000đ, tiền lãi là 187.715.833đ. Tổng cộng là 367.715.833đ (Ba trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, tám trăm ba ba đồng)

Kể từ ngày 16/8/2018, anh Nguyễn Viết V cùng vợ là Nguyễn Thị Bích H, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận bằng 150% lãi suất vay thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu anh V, chị H, bà N không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng A có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 4250m², trên đất có nhà ở cấp 4 diện tích 70m² tại thửa đất 1181, 1182 tờ bản đồ 21, xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Ba Vì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 182181 ngày 06/5/1998 để đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả của anh V, chị H, bà N đối với Ngân hàng bao gồm cả tiền gốc, tiền lãi và chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật mà bên có tài sản thế chấp phải chi trả.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị N phải chịu 18.385.791,đ (Mười tám triệu, ba trăm tám lăm nghìn, bảy trăm chín mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân A số tiền tạm ứng án phí 7.714.000,đ (Bảy triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng), theo biên lai 0008218 ngày 22/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

4. Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Viết V, chị Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Viết Q, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.P Hà Nội.
- VKSND huyện Ba Vì.
- Chi cục T.H.A huyện Ba Vì.
- các đương sự
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa.

